

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHIỆP VÀ XÂY LẮP ISP VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHIỆP VÀ XÂY LẮP ISP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INDUSTRY SOLUTION AND CONSTRUCTION ISP VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ISP VIET NAM.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107974171

3. Ngày thành lập: 24/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 27, Ngõ 72 phố Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
2.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

3.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Quản lý chất lượng xây dựng công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Lập quy hoạch xây dựng; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế, dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Giám sát thi công xây dựng;	7110
-----------	--	-------------

4.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
5.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
6.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
12.	Bán buôn tổng hợp	4690
13.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
14.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
15.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
16.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
17.	Cho thuê xe có động cơ	7710

18.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);	7730
19.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
20.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
21.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
22.	Dịch vụ đóng gói	8292
23.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
24.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
25.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
26.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
27.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
28.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
29.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
30.	Sản xuất máy luyện kim	2823
31.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
32.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh Chi tiết: Trồng rau các loại	0118
33.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
34.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
35.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
36.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
37.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
39.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
40.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
41.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
42.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
43.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
44.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630

45.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
46.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
47.	Sản xuất đồng hồ	2652
48.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
49.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
50.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
51.	Sản xuất xe có động cơ	2910
52.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
53.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
54.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
55.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
56.	Bán mô tô, xe máy	4541
57.	Bán buôn đồ uống	4633
58.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
59.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
60.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
61.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
62.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
63.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
64.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
65.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
66.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
67.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
68.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất điện	3510
69.	Xây dựng nhà các loại	4100
70.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ	4210
71.	Xây dựng công trình công ích	4220
72.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
73.	Phá dỡ	4311
74.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
75.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
76.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

77.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
78.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
79.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
80.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
81.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
82.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
83.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
84.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
85.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
86.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
87.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
88.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
89.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
90.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
91.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
92.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
93.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
94.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
95.	Đúc sắt, thép	2431
96.	Đúc kim loại màu	2432
97.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
98.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
99.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
100.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
101.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
102.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
103.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
104.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
105.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
106.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
107.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320(Chính)

108.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
109.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
110.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
111.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
112.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
113.	Bán buôn thực phẩm	4632
114.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
115.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
116.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
117.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
118.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
119.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
120.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
121.	Lập trình máy vi tính	6201
122.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
123.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
124.	Xuất bản phần mềm	5820
125.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210

6. Vốn điều lệ: 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ XUÂN BÁCH	Số 27, Ngõ 72 phố Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	245.000	2.450.000.000	25,000	0330800006 81	
			Tổng số	245.000	2.450.000.000	25,000		

2	ĐINH CÔNG THÀNH	Khu dân cư số 3, Phường Ng Phả Lại, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	245.000	2.450.000.000	25,000	142761700	
			Tổng số	245.000	2.450.000.000	25,000		
3	NGUYỄN QUANG HUY	Số nhà 07, tổ 2, khu Tre Mai, Phường Nam Khê, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	245.000	2.450.000.000	25,000	101051892	
			Tổng số	245.000	2.450.000.000	25,000		
4	VŨ KHÁNH THIÊN	Khu 5, Xã Trung Vương, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	245.000	2.450.000.000	25,000	132285075	
			Tổng số	245.000	2.450.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ KHÁNH THIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/02/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 132285075

Ngày cấp: 25/02/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 5, Xã Trung Vương, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 8 Ngõ 101/254 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: **VŨ XUÂN BÁCH** Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*
 Sinh ngày: *05/12/1980* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *033080000681*
 Ngày cấp: *07/09/2015* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 27, Ngõ 72 phố Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *Số 27, Ngõ 72 phố Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

* Họ và tên: ĐÌNH CÔNG THÀNH Giới tính: Nam
Chức danh: Tổng giám đốc
Sinh ngày: 09/08/1993 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân
Số giấy chứng thực cá nhân: 142761700
Ngày cấp: 14/10/2010 Nơi cấp: Công an Hải Dương
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu dân cư số 3, Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Ổ ở hiện tại: Khu dân cư số 3, Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương,
Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội